TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 981/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2022
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Ông Võ Văn Lợi

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1065/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1184/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Trịnh Toàn T, sinh năm 1978 (Có mặt);
Địa chỉ thường trú: Số 2/5C Đường số 44, Tổ 2, Khu phố 2, phường P, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ liên hệ: Số 4/6 đường L, phường R, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

- ***Bị đơn***: Bà Thái Thị Thùy A, sinh năm 1980 (Có mặt);
Địa chỉ thường trú: Số 17/12B Đường số 9, Tổ 15, Khu phố 2, phường Y, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ liên hệ: Số 41/28 đường K, phường Y, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Trịnh Toàn T trình bày:

Ông Trịnh Toàn T và bà Thái Thị Thùy A chung sống với nhau từ năm 2020 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Uỷ ban nhân dân phường Y, quận

Đ (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/2020. Thời gian đầu ông T, bà A chung sống hạnh phúc tại địa chỉ số 9/18/A1 Đường số 898, phường P, Quận X (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh và có 01 (một) người con chung là trẻ Trịnh Thanh N, sinh ngày 30/12/2019. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2021, ông T và bà A phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, bế tắc. Mặc dù, các bên đã nhiều lần cố gắng hoà giải, đoàn tụ cũng như được sự động viên của hai bên gia đình nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, mẫu thuẫn. Đỉnh điểm từ tháng 10/2021, bà A bỏ nhà ra đi, ông T, bà A ly thân từ thời điểm đó đến nay, không ai quan tâm ai, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống của mình. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên ông T đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T đề nghị được ly hôn với bà Thái Thị Thùy A.

- Về con chung: Từ thời điểm tháng 6/2021 đến nay trẻ Trịnh Thanh N sống với bà Thái Thị Thùy A, nhận thấy trẻ N còn nhỏ cần được được mẹ chăm sóc nên ông T đồng ý giao trẻ N cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn – bà Thái Thị Thùy A trình bày:

Bà A thống nhất với trình bày của ông T về quá trình kết hôn, tuy nhiên bà A không đồng ý với trình bày của ông T về mâu thuẫn quan hệ vợ chồng. Quá trình chung sống, các bên có những mẫu thuẫn nhỏ những không đến mức trầm trọng, lý do là vì ông T nghi ngờ bà A có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ngày 30/12/2021, do vợ chồng có xảy ra xô xát, ông T ghen tuông vô cớ đánh đập bà A và bà A đã bỏ nhà đi, từ đó đến nay bà A sinh sống tại địa chỉ Số 41/28 đường K, phường Y, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Đã nhiều lần bà A tìm cách hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành, nhận thấy tình cảm vẫn còn nên bà A không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà A và ông T có 01 (một) con chung là trẻ Trịnh Thanh N, sinh ngày 30/12/2019. Từ thời điểm tháng 6/2021 đến nay trẻ N sống với bà A. Trong trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn, bà A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ N, ông T có quyền cập dưỡng theo khả năng kinh tế của mình, bà A không yêu cầu mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ông T cho rằng hai vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Theo bản tự khai của bà A thì bà cho rằng hôn nhân không đến mức trầm trọng như ông T nói, bà vẫn còn có tình cảm với ông T. Tuy nhiên tại phiên tòa phía nguyên đơn ông T vẫn kiên quyết ly hôn với bà A. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà A là có thật. Các bên không còn tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt. Việc duy trì đời sống hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó có căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T; Về con chung, trẻ Trịnh Thanh N, sinh ngày 30/12/2019, đề nghị giao cháu Nhân cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn – Ông Trịnh Toàn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn – bà Thái Thị Thùy A, địa chỉ thường trú: Số 17/12B Đường số 9, Tổ 15, Khu phố 2, phường Y, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn". Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức là Toà án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày ngày 06/7/2021, ngày 14/02/2022. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới, không khiếu nại các tài liệu, chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và các chứng cứ, tài liệu do Tòa án thu thập. Đương sự khởi kiện có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của mình theo quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia quá trình giải quyết vụ án và cung cấp các chứng cứ, tài liệu liên quan nhưng vắng mặt, phải chịu trách nhiệm vì sự vắng mặt của mình. Do đó, Tòa án

căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Đ (nay là thành phố Đ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 14/01/2020. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, xác định cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế là các bên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến bầu không khí gia đình ngột ngạt, bế tắc. Do đó, nguyên đơn kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho hai bên được ly hôn để có các bên sớm ổn định cuộc sống. Bị đơn xác định mâu thuẫn giữa các bên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ mà bất cứ vợ chồng nào cũng đều trải qua trong quá trình chung sống, hiện nay bị đơn vẫn còn tình cảm và đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nên bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử xác định quá trình vợ chồng chung sống các bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù bị đơn cho rằng đây là những mâu thuẫn nhỏ, không đáng kể nhưng nguyên đơn lại cho rằng mâu thuẫn giữa các bên đã ở mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần với mục đích hàn gắn, giúp các bên đoàn tụ nhưng nguyên đơn vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tiến hành hòa giải giữa các bên, nhưng các bên vẫn mâu thuẫn gay gắt. Ngoài ra trên thực tế các bên đã không còn sống chung, đã ly thân trong thời gian dài. Sự kiên quyết đề nghị được ly hôn của nguyên đơn đã chứng minh nếu các bên tiếp tục chung sống cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau, các bên không còn yêu thương, tôn trọng nhau, do đó mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ phát sinh thêm mâu thuẫn. Vì vậy, trên tinh thần quan hệ hôn nhân là sự tự nguyện giữa các bên và để các bên sớm ổn định cuộc sống mới, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng:

Căn cứ sự thống nhất trình bày của đương sự tại phiên toà và Giấy khai sinh số 17 ngày đăng ký 15/01/2020 của Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Đ (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 (một) con chung là trẻ Trịnh Thanh N, sinh ngày 30/12/2019 thuộc trường hợp con chung dưới 36 tháng tuổi. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục trẻ N và nguyên đơn đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Ngoài ra, thực tế từ tháng 6/2021 đến nay, bị đơn là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ N. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao con chung là trẻ Trịnh Thanh N, sinh ngày 30/12/2019 cho bị đơn có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian thực hiện bắt đầu từ tháng 04/2022.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Trịnh Toàn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Toàn T được ly hôn với bà Thái Thị Thùy A. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trịnh Toàn T và bà Thái Thị Thùy A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 14/01/2020 của Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Đ (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung trẻ Trịnh Thanh N, sinh ngày 30/12/2019 cho bà Thái Thị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian thực hiện bắt đầu từ tháng 04/2022.

Quyền, nghĩa vụ của ông Trịnh Toàn T, bà Thái Thị Thùy A trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện

theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trịnh Toàn T, bà Thái Thị Thùy A không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn – Ông Trịnh Toàn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông Trịnh Toàn T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0047986 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đ;
- Chi Cục THADS TP. Đ;
- UBND P. Y, TP.Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hiếu